

BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC VÙNG DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI ĐÁP ỨNG DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

ThS. TRẦN THỊ YÊN

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết 88/2014/QH13 về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông yêu cầu: “Đổi mới toàn diện mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục theo yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực học sinh (HS); khắc phục tình trạng quá tải; tăng cường thực hành và gắn với thực tiễn cuộc sống...”. Để chuẩn bị cho việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới, vấn đề cấp thiết, cấp bách đặt ra là phải bồi dưỡng đội ngũ giáo viên (GV) đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới này. Đặc biệt đối với vùng dân tộc và miền núi, ngoài những vấn đề chung như chương trình quốc gia, cần lưu ý đến vấn đề riêng đặc thù đó là tính tộc người và tính vùng miền trong bồi dưỡng giáo viên nói chung và giáo viên tiểu học (GVTH) nói riêng công tác ở vùng dân tộc và miền núi.

2. Dạy học theo yêu cầu phát triển năng lực

Dạy học theo phát triển năng lực còn gọi là dạy học định hướng kết quả đầu ra được bàn đến nhiều từ những năm 90 của thế kỉ XX và ngày nay đã trở thành xu hướng giáo dục quốc tế. Dạy học theo yêu cầu phát triển năng lực nhằm mục tiêu phát triển năng lực người học; nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra của việc dạy học, thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách, chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn nhằm chuẩn bị cho con người năng lực giải quyết các tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp. Trong dạy học theo yêu cầu phát triển năng lực, nhấn mạnh vai trò của người học với tư cách chủ thể của quá trình nhận thức.

Khác với chương trình dạy học theo yêu cầu nội dung, chương trình dạy học theo yêu cầu phát triển năng lực không chỉ trang bị cho HS những kiến thức, kĩ năng các môn học mà còn chú ý tới những năng lực chung cần thiết cho nhiều lĩnh vực hoạt động, nhiều bối cảnh như hợp tác, giao tiếp,... chú trọng phát triển khả năng hành động, giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra. Trong chương trình, sách giáo khoa giáo dục tiểu học sau 2015 hướng tới một số năng lực chung cốt lõi cần được chú trọng, hình thành và phát triển cho HS: 1/ Năng lực tư duy (suy luận, phê phán, sáng tạo); 2/ Tự học, học cách học; 3/ Tự quản lí bản thân và phát bản thân; 4/ Hợp tác; 5/ Giao tiếp; 6/ Tìm kiếm, tổ chức, xử lí thông tin; 7/ Năng lực thực hiện và giải quyết vấn đề, đặc biệt là những vấn đề thực tiễn.

Các năng lực này, cần cho học tập nhiều môn học và được phát triển qua nhiều môn học cần thiết cho HS có thể tham gia hiệu quả trong hoạt động và các

bối cảnh khác nhau của đời sống xã hội. Bên cạnh các năng lực chung cốt lõi, nhà trường tiểu học cần hình thành và phát triển cho HS năng lực chuyên biệt môn học/lĩnh vực học tập và các kĩ năng cơ bản cần thiết cho sự phát triển các năng lực. Cụ thể qua bảng sau:

Bảng 1: Sự phát triển năng lực HS

<p>Các năng lực chung cốt lõi: 1/ Năng lực tư duy (suy luận, phê phán, sáng tạo); 2/ Tự học, học cách học; 3/ Tự quản lí bản thân và phát bản thân; 4/ Hợp tác; 5/ Giao tiếp; 6/ Tìm kiếm, tổ chức, xử lí thông tin; 7/ Năng lực thực hiện và giải quyết vấn đề, đặc biệt là những vấn đề thực tiễn.</p>	<p>↔</p>	<p>Các năng lực chuyên biệt môn học/lĩnh vực học tập: 1/ Toán; 2/ Khoa học; 3/ Ngôn ngữ; 4/ Thể chất; 5/ Công nghệ; 6/ Nghệ thuật; 7/ Công dân.</p>
<p>↓</p>		<p>↓</p>
<p>Các kĩ năng cơ bản: Nghe, nói, đọc, viết, tính toán và ICT (có tính chất “công cụ”, cần cho sự phát triển các năng lực)</p>		

Như vậy, dạy học theo yêu cầu phát triển năng lực HS tiểu học vùng dân tộc và miền núi cũng không nằm ngoài những năng lực này. Tuy nhiên, cần tính đến những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các năng lực của GV và HS vùng dân tộc và miền núi trong quá trình bồi dưỡng GVTH một cách phù hợp và thiết thực.

3. Tính cấp thiết trong việc bồi dưỡng đội ngũ GVTH vùng dân tộc và miền núi dạy học theo yêu cầu phát triển năng lực

Bồi dưỡng đội ngũ GVTH vùng dân tộc và miền núi dạy học theo yêu cầu phát triển năng lực nhằm: đáp ứng tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện từ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức; Nghị quyết 88/2014/QH13 về Đổi mới mục tiêu cơ bản của giáo dục từ tập trung vào trang bị kiến thức, kĩ năng sang phát triển phẩm chất và năng lực người học, đảm bảo hài hoà giữa “dạy chữ”, “dạy người” và định hướng nghề nghiệp; Nghị quyết 44/NQ-CP thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW Quy định tổ chức bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ giáo viên phổ thông, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình, sách giáo khoa mới. Xây dựng và triển khai chương trình bồi dưỡng giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lí các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Bên cạnh những quy định mang tính chất pháp lí cấp thiết, cấp bách chung đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, việc bồi dưỡng còn phải tính đến những đặc thù riêng. Trên cơ sở đó, việc thực hiện bồi dưỡng đúng hướng và đúng với đặc thù nhằm đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Những năng lực mà bản thân GVTH và HS dân tộc thiểu số vùng dân tộc và miền núi chịu sự tác động bởi những yếu tố tộc người và vùng miền chủ yếu như năng lực ngôn ngữ, năng lực tư duy, năng lực tự học,... Do đó, cần xem xét những năng lực này dưới góc độ của người dạy và người học là cơ sở để bồi dưỡng GVTH vùng dân tộc và miền núi cần đặc biệt quan tâm chú ý.

Bởi lẽ, ở năng lực ngôn ngữ đều là những khó khăn cho cả GV và HS. HS dân tộc thiểu số sinh ra đã nói tiếng mẹ đẻ (tiếng dân tộc). Các em giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ. Khi đến trường các em học bằng tiếng Việt, GV dạy cũng là người bắt đầu như các em sẽ là những hạn chế về ngôn ngữ trong học tập và giao tiếp khi tiếng Việt không phải là tiếng mẹ đẻ. Qua thảo luận nhóm với HS, qua xem bài kiểm tra của các em, xem vở ghi chép hàng ngày và qua quan sát các em giao tiếp với nhau,... cho thấy, vốn tiếng Việt còn hạn chế dẫn đến khó khăn trong diễn đạt bằng tiếng Việt ảnh hưởng đến tư duy và nhận thức,... Mặt khác, các em có thể đọc được, viết được, nói được bằng tiếng Việt nhưng các em không hiểu nghĩa của tiếng Việt - đây chính là hiện tượng "rỗng nghĩa". Nghiên cứu HS tiểu học ở Tây Nguyên, các em cho biết nhiều câu, từ các em không hiểu nghĩa. Ví dụ: "ngôi trường của em" các em không hiểu từ "ngôi", "hơ nóng cổ chai" các em không hiểu từ "hơ"... Đây là vấn đề mà trong quá trình dạy học bản thân GV và HS gặp lúng túng bởi chính cả cô và trò còn vướng với hiện tượng "rỗng nghĩa". Trong trường hợp này cần tính đến vấn đề tiếng dân tộc là một trong những giải pháp hỗ trợ.

Năng lực tư duy của GV và HS còn nhiều hạn chế trước những sự vật hiện tượng, tư duy về toán học, hình học. Để phát triển được năng lực này, đòi hỏi GV nắm được năng lực tư duy của HS ở mức độ nào? Cần hỗ trợ ra sao? Bởi ở các em có thể nhận ra từng dấu hiệu, thuộc tính đơn lẻ của sự vật, hiện tượng. Song, quá trình tổng hợp, khái quát khó đi đến nhận xét chung, khả năng kết hợp các giác quan yếu. Các em có thể nhận diện nhanh chóng các hình vẽ do GV vẽ trên bảng, nhưng để các em tự vẽ lại thì rất khó khăn, nhất là phải sử dụng dụng cụ học tập như compa, thước kẻ.

Tính kế hoạch và sự kiên trì quan sát trong quá trình học tập của HS chưa cao. Các em không thể tập trung được lâu. Nếu giờ dạy thiếu đồ dùng dạy học trực quan, thiếu ngôn ngữ tiếng dân tộc để giải thích, GV nói nhanh không nhấn mạnh nội dung quan trọng, hoặc nói quá to... thì sự chán nản của các em đến rất nhanh. Khi đó, các em không quan sát, không nói chuyện, không phá phách như HS Kinh, các em vẫn ngồi yên, song trong đầu không hoạt động. Mặt khác, do hạn chế về tiếng Việt nên ngại tranh luận, ngại trình bày vấn đề khó, sợ nói sai bị các bạn cười.

Do những ảnh hưởng sự định hướng tri giác theo nhiệm vụ (học tập) đặt ra chưa cao, các em thường bị thu hút vào những thuộc tính rực rỡ, màu sắc mới lạ ở bên ngoài đối tượng tri giác, do vậy các em khó phân biệt được đâu là thuộc tính bản chất, đâu là thuộc tính không bản chất. Cho nên năng lực tư duy trực quan - hình ảnh của HS tốt nhưng tư duy trừu tượng - logic lại hạn chế. Khắc phục điểm yếu này, trong dạy học GV nên tô đậm và có màu sắc vào các yếu tố bản chất của giáo cụ trực quan, gạch chân những câu, từ trên bảng bằng phấn màu và nhấn mạnh vào nội dung cần cho HS nhớ. Như vậy, có thể thấy năng lực tư duy chi phối toàn bộ quá trình nhận thức của các em. Sự cần thiết hình thành năng lực tư duy cho các em bắt đầu từ việc GV cần hình thành năng lực tư duy trực quan. Mặt khác, các em chưa có thói quen lao động trí óc, phần lớn các em ngại suy nghĩ, ngại động não, khi gặp phải vấn đề khó là các em bỏ qua nên dẫn tới khả năng tự học còn hạn chế.

Ở năng lực tự học, đối với GV phải bắt đầu từ việc rút ra những bài học kinh nghiệm từ những thành công và thất bại của bản thân và đồng nghiệp trong hoạt động dạy học và giáo dục; biết xây dựng kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng phù hợp cho từng giai đoạn và có phương pháp, kĩ năng tự học; sử dụng thành thạo tiếng Việt, tiếng dân tộc (tiếng mẹ đẻ) của mình;... để họ trở thành không chỉ là người dạy kiến thức mà còn là những người dạy cách học, dạy cách tư duy cho HS. Tuy nhiên, trong thực tế năng lực này còn nhiều bất cập như đã phân tích ở trên do những ảnh hưởng của tộc người và vùng miền. Mặt khác, do ảnh hưởng của những điều kiện hỗ trợ biểu hiện cụ thể là thiếu tài liệu, băng hình,... điều kiện cơ sở vật chất phục vụ khả năng tự học, sự cọ sát giữa các GV giỏi, cốt cán chưa nhiều do điều kiện đi lại khó khăn và bản thân GV cũng còn phải lao động làm thêm phục vụ cuộc sống nên để chuyên tâm vào một vấn đề dạy học là chưa nhiều.

4. Một số vấn đề trong bồi dưỡng đội ngũ GVTH vùng dân tộc và miền núi đáp ứng dạy học theo yêu cầu phát triển năng lực

4.1. Đổi mới nội dung bồi dưỡng

Nội dung bồi dưỡng cho GV không chỉ thực hiện việc dạy học mà thông qua dạy người qua dạy chữ. Vì vậy, việc bồi dưỡng bên cạnh việc cung cấp kiến thức cần chú trọng bồi dưỡng các năng lực của GV:

- *Về bồi dưỡng kiến thức:* Trước hết, cần ưu tiên về bồi dưỡng kiến thức cơ bản cụ thể: Bồi dưỡng GV nắm vững mục tiêu, nội dung cơ bản của chương trình, sách giáo khoa của các môn học được phân công giảng dạy; Kiến thức cơ bản trong các tiết dạy đảm bảo đủ, chính xác, có hệ thống, nhất là ở các lớp học cao hơn (lớp 4 và 5); Trong đó, chú trọng các môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng dân tộc (đối với những GV chưa biết tiếng dân tộc của dân tộc có số đông ở vùng đó), đặc biệt là môn Tiếng Việt nhằm giải quyết hiện tượng "rỗng nghĩa";

- *Về bồi dưỡng năng lực:* Trong năng lực ngôn ngữ, ưu tiên bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng hoạt động

giáo dục HS, tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng giao tiếp và thực hành tiếng Việt hiệu quả. Trong năng lực tư duy, ưu tiên bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng về tư duy trực quan. Trong năng lực tự học ưu tiên bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng tự học theo ý thức chủ quan và khách quan, tìm hiểu HS và môi trường giáo dục để có phương pháp dạy học sát đối tượng. Bên cạnh đó, cần bồi dưỡng các kiến thức và kĩ năng về các năng lực như dạy cá biệt, dạy tích hợp và dạy theo định hướng phát triển năng lực HS. Những năng lực này còn là vấn đề rất mới đối với GV. Ngoài ra, cần tiếp tục bồi dưỡng năng lực quản lí lớp học, đặc biệt kĩ năng quản lí lớp học (lớp ghép, lớp Vnen) có sự phân hóa đa dạng về đặc điểm nhận thức, tính cách, phong cách học tập của HS, kĩ năng quản lí và duy trì sự ổn định trật tự lớp học khi tổ chức các phương pháp dạy học thực hành, dạy học theo nhóm nhỏ.

4.2. Đối mới phương thức bồi dưỡng

Các nội dung bồi dưỡng cần được thiết kế theo các hoạt động học tập, bảo đảm cho các GV được rèn luyện theo các nhóm năng lực, được thực hành xử lí các tình huống phổ biến sẽ gặp trong thực tiễn giáo dục, tăng tính thực hành. Việc lựa chọn bồi dưỡng phù hợp, tối ưu cần dựa trên các yếu tố: nội dung, phương pháp, mục đích bồi dưỡng. Tuy nhiên, dù là hình thức nào, tự học, tự bồi dưỡng, bồi dưỡng tại chỗ theo đơn vị từng trường học là quan trọng, khả thi và cho hiệu quả cao nhất.

Nguyên tắc tự học được quán triệt không chỉ ở hình thức bồi dưỡng tại chỗ, tại nhà, mà cả trong hình thức bồi dưỡng tập trung theo từng đợt tại cấp trung ương, cấp sở, vùng miền. Theo đó, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu giải quyết vấn đề theo các bài tập, đề án, dự giờ rút kinh nghiệm,... là các phương pháp chủ yếu. Để bồi dưỡng GV hiệu quả nhất cần kết hợp bồi dưỡng tập trung và bồi dưỡng tại chỗ lấy đơn vị tập thể sư phạm từng trường làm nòng cốt như là “tế bào”, đơn vị thao tác của hoạt động bồi dưỡng GV với mục đích bồi dưỡng.

Phương thức kết hợp tốt nhất là với những vấn đề có tính chất đáp ứng trên, bồi dưỡng tập trung cấp Trung ương, hay cấp sở, cụm sở (bồi dưỡng dạy học theo phát triển năng lực HS) với đối tượng tham gia là GV cốt cán và đại diện cán bộ quản lí cấp địa phương. Đó sẽ là những báo cáo viên, người tổ chức, hướng dẫn bồi dưỡng ở từng địa phương, từng trường học. Khi bồi dưỡng ở đơn vị trường học, việc bồi dưỡng được thực hiện bằng dự giờ, rút kinh nghiệm theo định hướng chủ đề nội dung bồi dưỡng đã quy định theo phương châm “một người diễn, nhiều người bình” sẽ cho nhiều những góp ý kịp thời và phù hợp.

Ngoài ra, nghiên cứu bài học được khẳng định là hình thức bồi dưỡng GV hiệu quả về nhiều mặt trong phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng. Có thể khẳng định được tất cả nội dung bồi dưỡng đã nêu ở mục đối mới nội dung bồi dưỡng đều có thể tổ chức bồi dưỡng cho GV bằng hình thức nghiên cứu bài học. Đây là phương thức phù hợp với điểm đặc thù vùng dân tộc khi mà sự tập trung đội ngũ giáo

viên về một tỉnh, huyện để thực hiện bồi dưỡng là khó (do nhiều yếu tố đi lại khoảng cách, các điều kiện khác,...). Bản chất của nghiên cứu bài học là tập thể GV dự giờ để cùng theo dõi, quan sát, cùng phát hiện các tình huống sư phạm nảy sinh trong giờ học do đồng nghiệp thực hiện và cùng bàn luận để xuất các giải pháp cho các tình huống xảy ra. Phương thức này càng phù hợp hơn với đội ngũ GV vùng dân tộc và miền núi với phương châm “cầm tay chỉ việc”.

5. Kết luận

Có thể thấy, thông qua bồi dưỡng đã giúp giáo viên tiếp tục đào tạo, thường xuyên cập nhật hóa, hiện đại hóa kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sự phạm đáp ứng yêu cầu mới. Đồng thời xây dựng ý thức tự học, tự bồi dưỡng ở người GVTH, đặc biệt là GVTH vùng dân tộc và miền núi. Để tiếp tục giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục tiểu học trước những biến chuyển mang tính thời đại, người giáo viên phải có phẩm chất, năng lực cao hơn, toàn diện hơn so với yêu cầu hiện nay. Do đó, một trong những yêu cầu khách quan, cấp bách lúc này là bồi dưỡng cho GV không chỉ đáp ứng yêu cầu chuẩn mà còn đòi hỏi sự phù hợp với đặc thù ở mỗi vùng và tiểu vùng dân tộc thiểu số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Thị Bình (2013), *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông*, Đề tài cấp Nhà nước 01-2010.
 [2]. *Chuẩn Nghề nghiệp giáo viên tiểu học* (Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
 [3]. Bùi Thị Ngọc Diệp (2008), *Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc và miền núi*, NXB Lí luận Chính trị.
 [4]. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về Đối mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, 2013, Hà Nội.
 [5]. *Nghị quyết 88/2014/QH13 về Đối mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông*, 2014, Hà Nội.
 [6]. *Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 9/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW*.

SUMMARY

In-service training of primary teacher in ethnic and mountainous areas is an useful task, consistent with current trend. This article presents in-service training of primary teachers in ethnic and mountainous areas to satisfy teaching towards compence development. Three main issues were given: 1 /Teaching towards requirements of compence development; 2 /Rational of teacher' in-service training in ethnic and mountainous areas in order to teach towards compence development; 3 / Two major issues in training primary teachers in ethnic and mountainous areas towards competence-based teaching: a / Renewal of training content; b / Innovate training methods.